TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2023.
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lại Thiện Phong.

2. Ông Lâm Thái Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhã Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về "ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1985 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp B II, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị Lương Kim N, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B II, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Lê Quốc T trình bày: Anh và chị Lương Kim N xây dựng hôn nhân với nhau vào năm 2004, đến năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, anh và chị N có 02 người con chung là cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 và cháu Lê Chí Đ, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2009. Hiện nay, cháu N1 sống chung với chị N còn cháu Đ sống cùng anh T. Quá trình chung sống, anh và chị N không có tạo lập tài sản chung cũng không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào.

Do cuộc sống vợ chồng không cùng quan điểm nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, anh và chị N đã ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2020 đến nay và không có biện pháp gì hàn găn mối quan hệ vợ chồng.

Nay anh T yêu cầu được ly hôn với chị N. Về con chung, anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Chí Đ và giao cháu N1 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chị Lương Kim N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, chị N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà chị N để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp chị N nên Tòa án không có lời khai của chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị N. Về con chung, giao cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 cho chị Lương Kim N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Chí Đ, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2009 cho anh Lê Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị N không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lê Quốc T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu xin ly hôn với chị Lương Kim N. Khi khởi kiện chị N cư trú tại ấp B II, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lương Kim N đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh Lê Quốc T và chị Lương Kim N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14

ngày 14 tháng 3 năm 2012 nên hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Anh Lê Quốc T xác định quá trình chung sống, anh T và chị N không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, anh và chị N đã ly thân từ khoảng tháng 02 năm 2020 đến nay và không có biện pháp gì hàn găn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 14 tháng 7 năm 2023, bà Trần Thị B là mẹ ruột của chị Lương Kim N xác định anh T và chị N đã xây dựng hôn nhân được gần 20 năm nay. Trước đây, chị N và anh T cùng nhau đi làm ăn xa nhưng khoảng 2 đến 3 năm gần đây chị N đi làm xa còn anh T thì ở nhà không đi làm cùng chị N. Khi chị N về cũng không về nhà sống cùng anh T mà về sống cùng vợ chồng bà. Do đó, Chị N và anh T đã không còn sống chung khoảng 2 đến 3 năm nay. Khi Toà án tống đạt thông báo thụ lý vụ án thì bà có điện thoại cho chị N biết nhưng chị N chỉ nói công ty không cho nghỉ nên không về được, nếu Toà án có gửi giấy tờ gì thì bà nhận giùm cho chị N. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh T và chị N đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị N biết anh T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh T, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị N để hòa giải, xét xử nhưng chị N có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, anh T yêu cầu được ly hôn với chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, anh Lê Quốc T và chị Lương Kim N có hai người con chung là cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 và cháu Lê Chí Đ, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2009. Hiện nay, cháu N1 sống cùng chị N và cháu Đ sống cùng anh T. Khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Chí Đ và giao cháu N1 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện cho con chưa thành niên. Từ khi ly thân đến nay, cháu N1 sống cùng chị N và cháu Đ sống cùng anh T, chị N và anh T đều chăm sóc các cháu tốt, phát triển bình thường. Cháu Đ cũng có nguyện vọng sống chung với anh T theo biên bản ghi nhận ý kiến ngày 14 tháng 7 năm 2023. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N1 cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Đ cho anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, anh T và chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Quốc T xác định quá trình chung sống, anh T và chị N không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh Lê Quốc T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Quốc T đối với chị Lương Kim N. Xử cho anh Lê Quốc T được ly hôn với chị Lương Kim N.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trọng N1, sinh ngày 14 tháng 3 năm 2006 cho chị Lương Kim N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Lê Chí Đ, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2009 cho anh Lê Quốc T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (cháu Lê Trọng N1 đang sống cùng chị Lương Kim N và cháu Lê Chí Đ đang sống chung với anh Lê Quốc T).

Anh Lê Quốc T và chị Lương Kim Nn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Quốc T và chị Lương Kim N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Quốc T và chị Lương Kim N không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình: Anh Lê Quốc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Lê Quốc T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0010673 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân được chuyển thu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã L, huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Lệ Thu